

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 29 - 4 - 2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Điều Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa:**

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 471/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Huyền T; Sinh năm 1999

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: ông Mai Phước H; Sinh năm 1997;

Trú tại: thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông Mai Phước H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2019. Ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì hai bên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy cãi vã xô xát lẫn nhau, ông H thường xuyên chơi bời không lo làm ăn. Đến tháng 5/2019 bà và ông H sống ly thân liên tục cho đến nay, trong thời gian ly thân mạnh ai nấy sống kinh tế độc lập. Bà T đã nộp đơn cho Tòa án nhưng vì con

nên bà T đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên mâu thuẫn không cải thiện. Hiện nay tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 01 con chung, gồm: Nguyễn Hoàng L; sinh ngày: 03/7/2016. Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa bị đơn ông Mai Phước H vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do.*

Bị đơn Mai Phước H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Mai Phước H theo quy định. Do bị đơn ông Mai Phước H có nơi cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: bà T và ông H chung sống với nhau từ năm 1995. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2019. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bà T cho rằng ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì đã xảy ra mâu thuẫn đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bắt đầu quan điểm sống, do ông H thường xuyên chơi bời không lo làm ăn, hai bên thường xuyên cãi nhau và dẫn đến xô xát. Bà T đã nộp đơn tại Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn vào tháng 3/2020 nhưng do vì con nên bà T đã rút đơn, tuy nhiên sau đó mâu thuẫn không cải thiện. Mặt khác, theo lời khai của những người sống gần nhà của ông H bà T cung cấp trong thời gian chung sống ông H thường xuyên đi lang thang không lo làm ăn, khi về đến nhà thì hai bên thường xuyên cãi vã có lúc xô xát nhau và việc xô xát những người sống gần đó đều biết. Ngoài ra ông H còn xúc phạm đến bố mẹ của bà T. Đối với ông H mặc dù Tòa án đã triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình. Do đó xem như ông H tự mình từ bỏ quyền chứng minh của mình. Như vậy có cơ sở xác định lời

khai của bà T về mâu thuẫn gia đình là đúng. Bà T và ông H đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau thể hiện hai bên không có sự quan tâm chăm sóc đối với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Về con chung: có 01 cháu là Nguyễn Hoàng L; sinh ngày: 03/7/2016, hiện nay cháu L đang sống với bà T. Bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H đều vắng mặt nên cần giao cháu L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của cháu L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các bên không đặt ra nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu theo luật định.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T về việc ly hôn. Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Mai Phước H.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng L; sinh ngày: 03/7/2016 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Các bên không đặt ra nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 015787 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Điền Thị Hạnh**